TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2024/DSST
Ngày 12-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phiên;
Bà Bùi Thị Hải Đường.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm T**, sinh năm 1957; nơi cư trú:Tổ 10, ấp NH, xã CL, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông **Trần Đăng C**, sinh năm 1976;
Bà **Lý Thị H**, sinh năm 1979;
Cùng nơi cưu trú: Tổ 22, ấp NH, xã CL, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả đương sự đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm T trình bày: Ngày 01-3-2021 bà có cho vợ chồng ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ và hẹn 06 sáu tháng sẽ trả đủ cho bà số tiền vay trên, khi vay thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên tính đến nay ông C, bà H mới trả được cho bà 129.500.000 đồng tiền vay gốc và chưa trả cho bà phần tiền lãi nào, cụ thể từng lần như sau: Ngày 12-4-2022: 100.000.000 đồng; ngày 16-6-2022: 5.000.000 đồng; ngày 16-7-2022: 5.000.000 đồng; ngày 16-8-2022: 3.000.000 đồng; ngày 16-9-2022:

3.000.000 đồng; ngày 16-10-2022: 3.000.000 đồng; ngày 16-11-2022: 3.000.000 đồng; ngày 18-12-2022: 3.000.000 đồng; ngày 05-5-2023: 1.00.000 đồng; ngày 27-6-2023: 1.500.000 đồng; ngày 08-7-2023: 1.000.000 đồng; ngày 30-7-2023: 500.000 đồng; ngày 22-8-2023: 500.000 đồng; ngày 20-9-2023: 500.000 đồng; tổng cộng 129.500.000 đồng. Ông C, bà H còn nợ bà số tiền 30.500.000 đồng.

Tại giấy mượn tiền ngày 01-3-2021 là do bà viết và ông C, bà H ký tên cho bà. Mặt sau giấy mượn tiền có ghi từng lần trả tiền cụ thể, tuy nhiên đối với 03 lần trả tiền sau cùng là ngày 30-7-2023; ngày 22-8-2023 và ngày 20-9-2023 mỗi lần ông C, bà H trả số tiền 500.000 đồng tuy nhiên do bà lớn tuổi, nhầm lẫn nên ghi thành 5.000 đồng. Bà nhiều lần yêu cầu ông C, bà H đtrả cho bà số tiền còn nợ 30.500.000 đồng nhưng không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà H trả cho bà số tiền 30.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Đăng C trình bày: Lời khai trình bày của bà T về việc vợ chồng ông vay của bà 150.000.000 đồng vào ngày 01-3-2021, đã trả tổng cộng gốc 129.500.000 đồng và hiện còn nợ bà T 30.500.000 đồng là đúng. Về tiền lãi ông có trả cho bà T nhiều lần nhưng không nhớ đã trả được cụ thể bao nhiêu.

Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ 30.500.000 đồng, không tính lãi. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn ông xin trả dần cho bà T.

Bị đơn bà Lý Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T đối với ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm T số tiền 30.500.000 đồng, không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông C, bà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 01-3-2021, vợ chồng ông C, bà H có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy nợ; ông C, bà H đã trả cho bà T nhiều lần với tổng số tiền 129.500.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông C, bà H trả số tiền còn nợ 30.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì ông C, bà H đồng ý trả. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Ông C, bà H xin trả dần khoản tiền phải trả 30.500.000 đồng cho bà T nhưng các bên không thỏa thuận được. Việc xin trả dần là phương thức thanh toán khi thi hành án, không thuộc thẩm quyền của Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông C, bà H phải chịu 1.525.000 đồng.

Bà T thuộc đối tượng miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H.

1.1. Buộc ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm T số tiền 30.500.000 *(ba mươi triệu năm trăm nghìn)* đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Phạm T thuộc đối tượng miễn án phí.

2.2. Ông Trần Đăng C, bà Lý Thị H phải chịu 1.525.000 *(một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HẠ